

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hoan, ông Lê Công Nhận.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Lan A, sinh ngày 18/8/2000; ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Ở: T, A, thành phố Hải Phòng. CCCD số 038300019156.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh ngày 24/01/1997; ĐKKHKT và hiện cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. CCCD số 030097003927.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, nguyên đơn chị Mai Thị Lan A trình bày: Chị và anh Lê Văn T được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 27/9/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống. Anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con, thường xuyên chơi bời. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Vợ chồng đã ly thân chị làm việc và sinh sống tại xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, còn anh T sinh sống tại T, T, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T

không còn nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T; Vợ chồng có 02 con chung là Lê Hoàng Minh K, sinh ngày 16/01/2020, Lê Hoàng Gia L, sinh ngày 02/4/2022. Hiện cháu K đang ở với anh T, còn cháu L đang ở với chị. Chị đề nghị giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc còn chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như lời khai chị Lan A. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống. Gia đình đã khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Lan A không còn, chị Lan A xin ly hôn, anh đồng ý; Vợ chồng có hai con chung thống nhất như lời khai chị Lan A. Hiện cháu K đang ở cùng anh, cháu L ở cùng chị Lan A, chị Lan A đề nghị mỗi người nuôi một con không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai, anh đồng ý; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Lan A, xử cho chị Lan A ly hôn với anh Lê Văn T; Về con chung: giao cháu Lê Hoàng Minh K, sinh ngày 16/01/2020 cho anh Lê Văn T, giao cháu Lê Hoàng Gia L, sinh ngày 02/4/2022 cho chị Mai Thị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T và chị Lan A không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, anh T và chị Lan A có quyền thăm gặp con; Về tài sản chung, công sức, nợ: không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết; Về án phí: Chị Mai Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã T, huyện T. Chị Lan A, anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Lan A, anh T là phù

hợp quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A, anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị Lan A và anh T là hợp pháp. Lời khai anh chị thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, yêu thương, chăm sóc nhau. Nay chị Lan A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn nên cần xử cho chị Lan A ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Minh K, sinh ngày 16/01/2020, Lê Hoàng Gia L, sinh ngày 02/4/2022. Cháu K đang ở cùng anh T, cháu L ở cùng chị Lan A, chị Lan A đề nghị giao cháu K cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị Lan A chăm sóc nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, anh T đồng ý. Do vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cháu K cho anh T và giao cháu L cho chị Lan A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung ai là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị Lan A, anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lan A xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm a mục 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Lan A.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị Lan A ly hôn anh Lê Văn T.

- Về con chung: Xử giao cho chị Mai Thị Lan A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng Gia L, sinh ngày 02/4/2022, giao cho anh Lê Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng Minh K, sinh ngày 16/01/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lan A, anh T không ai phải

cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Buộc chị Mai Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lan A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002026 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà. Chị Lan A đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Lan A và anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà, Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan